

Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn

Triệu đồng; %

	Thực hiện năm 2018	Ước tính năm 2019	Năm 2019 so với dự toán năm	Năm 2019 so với năm 2018
Tổng thu	8,279,369	9,054,000	100.60	109.36
Tổng các khoản thu cân đối NSNN	8,201,219	9,039,000	100.66	110.22
Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước	7,497,686	8,285,000	100.06	110.50
Thu từ doanh nghiệp Nhà nước do TW và địa phương quản lý	903,338	1,040,000	111.83	115.13
Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	332,673	350,000	102.94	105.21
Thu từ khu vực công thương nghiệp-ngoài quốc doanh	1,168,826	1,240,000	91.18	106.09
Lệ phí trước bạ	343,186	350,000	106.32	101.99
Thuế sử dụng đất nông nghiệp	280	400	-	142.86
Thuế SD đất phi nông nghiệp	4,472	4,300	116.22	96.15
Thuế thu nhập cá nhân	454,470	485,000	100.00	106.72
Thuế bảo vệ môi trường	134,240	185,000	100.00	137.81
Thu phí và lệ phí	96,220	105,000	88.98	109.12
Tiền sử dụng đất	2,300,064	2,572,650	95.82	111.85
Thu tiền cho thuê đất	854,956	1,050,000	110.09	122.81
Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	34,418	72,000	76.76	209.19
Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	345	350	30.43	101.45
Thu xổ số kiến thiết	455,515	600,000	105.45	131.72
Thu khác	280,541	203,300	100.00	72.47
Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	134,142	27,000	116.38	20.13
Thu từ Hải quan	703,533	754,000	107.71	107.17
Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN	78,150	15,000	75.00	19.19